

Phụ lục 2

TỔNG HỢP NHU CẦU BỔ SUNG DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP NĂM 2026 THEO NGHỊ ĐỊNH 76/2019/NĐ-CP
CỦA CÁC ĐƠN THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chỉ tiêu biên chế giao	Số người làm việc thực tế có mặt tại hồi điểm tháng 1/2026	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ năm 2026 theo quy định tại Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019								Ghi chú
					Phụ cấp ưu đãi theo nghề			Phụ cấp thu hút		Phụ cấp công tác lâu		Tổng nhu cầu kinh phí năm 2026	
					Phụ cấp ưu đãi hưởng theo QĐ 244/2005/QĐ-TT	Chênh lệch tăng theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP	Thành tiền	Hệ số	Thành tiền	Hệ số	Thành tiền		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=8+10+12	
	TỔNG CỘNG		222	217	290,70	164,83	4.579.791.138	399,43	10.999.686.298	22,10	631.566.000	16.211.043.436	
1	Trường THPT Khâm Đức	Xã Khâm Đức	49	48	55,08	56,00	1.572.385.932	115,35	3.238.966.786	0,50	19.188.000	4.830.540.718	
2	Trường PTĐNT THCS&THPT Phước Sơn	Xã Khâm Đức	34	33	72,18	0,93	26.114.400	78,74	2.211.103.440	0,70	19.656.000	2.256.873.840	
3	Trường THPT Nam Trà My	Xã Nam Trà My	45	45	42,30	42,85	1.154.663.640	58,00	1.531.398.960	7,00	193.050.000	2.879.112.600	
4	Trường PTĐNT THCS& THPT Nam Trà My	Xã Nam Trà My	30	30	57,43	1,33	37.346.400	40,83	1.087.566.480	6,60	194.454.000	1.319.366.880	
5	Trường THPT Âu Cơ	Xã Sông Vàng	35	34	35,66	35,66	1.001.468.286	78,04	2.191.241.052	-	-	3.192.709.338	
6	Trường THPT Tây Giang	Xã Tây Giang	29	27	28,06	28,06	787.812.480	28,47	739.409.580	7,30	205.218.000	1.732.440.060	